

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN T  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 02-3-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN T, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Vũ Bằng

Bà Nguyễn Huỳnh Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tuyết Ngân. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 771/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đào Mộng N, sinh năm 1995. (Xin vắng)

Địa chỉ: Ấp 9, xã Khánh Bình Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Minh H, sinh năm 1986. (Xin vắng)

Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân P, xã Tân H, huyện Phú T1, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 9, xã Khánh Bình Đ, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2022, bà Đào Mộng N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đào Mộng N và ông Lê Minh H kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Đ, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân một khoảng thời gian nên bà N yêu cầu xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu Lê Minh H, sinh ngày 22/10/2013, cháu Lê Tường V, sinh ngày 22/02/2021, bà N yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu

ông H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng cho mỗi cháu.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 27/01/2023, bà N nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà N.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/02/2023, ông Lê Minh H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Đào Mộng N kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Đông, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, do ông thường xuyên đi biển vắng nhà, bà N bỏ nhà đi theo người đàn ông khác. Ông vẫn còn tình cảm với bà N nên ông yêu cầu được đoàn tụ với bà N.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu Lê Minh Hà, sinh ngày 22/10/2013, cháu Lê Tường Vi, sinh ngày 22/02/2021, hiện đang sống cùng gia đình. Trường hợp phải ly hôn ông yêu cầu nuôi hết 02 con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, trường hợp Toà án giao con chung cho bà N nuôi, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà N.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đồng thời, ông Lê Minh H yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt ông H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N ly hôn với ông H; giao cháu Hà và cháu Vi cho bà N nuôi dạy, ông H cấp dưỡng nuôi hai cháu theo quy định của pháp luật; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Đào Mộng N và ông Lê Minh H là tranh chấp về ly hôn, nuôi con bị đơn là ông Lê Minh H có nơi cư trú tại huyện Trần Văn T nên bà N khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Đào Mộng N và ông Lê Minh H, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Đào Mộng N và ông Lê Minh H theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Đào Mộng N và ông Lê Minh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, đến năm 2018 có đăng ký kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Bà N cho rằng do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông H. Về phía ông H, mặc dù có ý kiến thể hiện nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân cùng bà N. Tuy nhiên, ông H cũng cho rằng bà N bỏ theo người đàn ông khác, ông H và bà N đã ly thân một khoảng thời gian và từ khi nhận được thông báo thụ lý của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông H vẫn không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà N. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đào Mộng N ly hôn với ông Lê Minh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà Đào Mộng N và ông Lê Minh H có 02 con chung, cháu Lê Minh H1, sinh ngày 22/10/2013, cháu Lê Tường V, sinh ngày 22/02/2021, hiện đang sống cùng gia đình mẹ ruột bà N. Bà N và ông H đều có nguyện vọng được nuôi con. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 08/02/2023, cháu Lê Minh H1 không thể hiện rõ ý kiến là muốn được sống chung với bà N hay ông H, cháu chỉ thể hiện nguyện vọng được sống ổn tại nhà bà Nguyễn Thị X (mẹ ruột bà N), do cháu được lớn lên và sinh sống ổn định tại đây. Đối với việc bà N và ông H không thống nhất được việc nuôi con nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy, ông H thường xuyên đi đánh bắt thủy hải sản không có thời gian chăm sóc các cháu, bản thân ông H lại đang sống bên gia đình vợ. Các cháu ở ổn định cùng nhà bà X (là mẹ ruột của bà N). Các cháu H1, V đều là nữ, cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần có sự chăm sóc, cần sự ổn định trong học tập, sinh hoạt, cần có nơi ở ổn định. Do đó, giao các cháu cho bà N nuôi dạy là phù hợp.

Bà Đào Mộng N cầu ông Lê Minh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu, ông H cũng thể hiện ý kiến thống nhất với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Lê Minh H không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Do đó, buộc ông Lê Minh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng cho mỗi cháu là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, ông Lê Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Như vậy, đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Mộng N về việc ly hôn với ông Lê Minh H.

2. Về con chung: Giao cho bà Đào Mộng N nuôi dạy cháu Lê Minh H1, sinh ngày 22/10/2013, cháu Lê Tường V, sinh ngày 22/02/2021, ông Lê Minh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng cho mỗi cháu. Thời hạn cấp dưỡng tính kể từ ngày tuyên án (02/3/2023) đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi. Ông Lê Minh H không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bà Đào Mộng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Minh H không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà Đào Mộng N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 07 tháng 12 năm 2022, bà Đào Mộng N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005842 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau, được đối trừ. Ông Lê Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chưa nộp.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bà Đào Mộng N, ông Lê Minh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn T;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Bình Đ;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thị Huệ**

